



Khu công nghiệp An Dương, Hải Phòng. Ảnh: ST.

HẢI PHÒNG: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ ĐẾN NĂM 2035

TS. Vũ Tuấn Anh

Đại học Kinh tế Quốc dân

“

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của TP. Hải Phòng năm 2024 đạt 11,01%, xếp thứ 3 cả nước, là năm thứ 10 liên tiếp duy trì tăng trưởng ở mức hai con số. Mặc dù vậy, quy mô kinh tế số lan toả của nhiều ngành còn thấp, chưa xứng đáng với tiềm năng của Thành phố. Bài viết dựa trên nghiên cứu về quy mô kinh tế số ngành trên cơ sở hàm giá trị sản xuất biến đổi để xác định giá trị tăng thêm do việc đầu tư vào công nghệ thông tin (CNTT) và nhân lực số của Hải Phòng trong giai đoạn 2010 đến năm 2023; xác định mối quan hệ giữa quy mô kinh tế số của 20 ngành với năng suất lao động ngành. Trên cơ sở kết quả thu được và định hướng phát triển của Thành phố, bốn kiến nghị giải pháp phát triển nhân lực số được đưa ra cho những ngành cốt lõi.

”

Thách thức trong phát triển kinh tế số của Hải Phòng

Việc sáp nhập hình thành Hải Phòng mới, tạo sự đa dạng văn hoá và thêm điều kiện để lan toả và phát triển kinh tế. GRDP năm 2024 theo giá so sánh năm 2010, cho địa phương mới là 378.303,778 tỷ đồng và tạo năng suất lao động 190 triệu đồng/lao động/năm. Quy mô kinh tế số của Hải Phòng mới tính theo số liệu năm 2024 khoảng hơn 83.759,588 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 22,14% GRDP, cao hơn mục tiêu đề ra là 20% vào năm 2025. Có thể nhận thấy, tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với tỷ lệ 27,2% GRDP được công bố bởi Tổng cục Thống kê (trước đây) cho TP. Hải Phòng cũ.

Thêm nữa, các chính sách về thương mại quốc tế đang có sự biến động và tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đơn cử, chính sách thuế của Mỹ áp cho Việt Nam ngày 31/7/2025 là 20% (thuế bổ sung) và có hiệu lực bắt đầu từ ngày 07/08/2025. Đây là một bất lợi cho Việt Nam khi các quốc gia khác trong vùng như Thái Lan, Malaysia chỉ phải chịu mức thuế 19%. Một số quốc gia như: Hàn Quốc, Nhật Bản chỉ phải chịu mức thuế bổ sung là 15% và các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU) chỉ phải chịu mức thuế 0-15% tùy mặt hàng. Nhiều quốc gia trong nhóm này đang giữ vai trò đầu tàu trong nhóm lĩnh vực công nghệ cao, chip, linh kiện điện tử đầu tư vào Việt Nam. Không chỉ vậy, chi phí logistics toàn cầu cũng được báo cáo tăng và dự báo sẽ còn tăng mạnh tới ít nhất năm 2030 do bị gián đoạn chuỗi cung ứng. Chi phí kho bãi được ghi nhận tăng hơn 7%, và xu hướng chuyển dịch sản xuất sang thị trường tiêu thụ ở nhiều quốc gia và tình hình bất ổn của chính trị ở nhiều khu vực quốc tế. Tổng hợp những vấn đề này ảnh hưởng lớn đến năng lực cạnh tranh của hàng hoá sản xuất tại Việt Nam so với nhiều quốc gia khác trong khu vực.

Hải Phòng - một địa phương công nghiệp và dịch vụ lớn của cả nước cũng sẽ chịu ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, đặc biệt ảnh hưởng mạnh đến quy mô kinh tế số của Thành phố. Khi quy mô kinh tế số của Hải Phòng được tạo dựng chủ yếu từ một số ngành chủ chốt và phần lớn đến từ doanh nghiệp FDI. Trong khi đó, các hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong doanh nghiệp đã có sự tăng trưởng nhưng vẫn còn rất hạn chế về quy mô, tính hệ thống và sự đồng bộ. Đặc biệt nhân lực số của Hải Phòng còn đối diện với nhiều thách thức để phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Nhân lực cho ngành kinh tế số

Lao động của Hải Phòng hiện nay tập trung số lượng lớn trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo (CNCBCT), chiếm tới 64,5% tổng số lao động đang làm việc. Tuy nhiên, phần lớn lao động đang làm việc trong những ngành và phân khúc thâm dụng lao động cao. Hơn 30% lực lượng lao động này làm trong các ngành dệt, may nhưng chỉ đóng góp khoảng 4,6% tổng giá trị gia tăng ngành CNCBCT. Trong khi đó, số lao động trong ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, v. v, đạt 59.639 người, tương đương 16,9% lao động toàn ngành, đóng góp tới 48,4% giá trị gia tăng toàn ngành CNCBCT, tương ứng với 21,47% GRDP của địa phương. Có thể thấy, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính giữ vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế của Hải Phòng, nhưng hoạt động sản xuất tập trung vào gia công, lắp ráp tại các doanh nghiệp FDI. Như vậy, lao động của ngành đang ở phân khúc thấp của chuỗi giá trị sản xuất.



Nhân lực số đang chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu lao động của Hải Phòng. Ảnh: ST.

Ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) của Hải Phòng năm 2023 có 1.569 lao động, trong đó tập trung nhiều vào: Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính; và hoạt động dịch vụ thông tin. Ngành có sự chuyển dịch lao động mạnh trong lĩnh vực viễn thông, giảm từ 857 người năm 2019 xuống còn 375 người năm 2023. Ngành ICT đóng góp khoảng 1,2% GRDP cho địa phương và phần lớn giá trị này chiếm tới hơn 86,4% đến từ mảng viễn thông. Điều này cho thấy, giá trị tăng thêm của những lĩnh vực đòi hỏi chất xám cao trong ngành ICT vẫn còn khá thấp, phản ánh nhân lực số chất lượng cao còn hạn chế trên địa bàn Thành phố.

Theo đó, để tiến tới những phân khúc cao hơn, ngành cần nhân lực có trình độ cao hơn, đặc biệt là các chuyên gia, kỹ sư có kinh nghiệm trong các lĩnh vực như: Thiết kế vi mạch, kỹ sư hệ thống nhúng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an ninh mạng. Nhân lực nghiên cứu và phát triển về trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, v. v.



Lãnh đạo TP. Hải Phòng và Tập đoàn FPT đã ký kết Thỏa thuận hợp tác. Ảnh: ST.

Nhìn nhận sự thiếu hụt nhân lực số, TP. Hải Phòng đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh và Công ty SunEdu nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành điện tử, vi mạch bán dẫn. Theo kế hoạch giai đoạn 2024-2027, các bên sẽ đào tạo 1.000-1.200 kỹ sư, chuyên gia vi mạch trình độ chuyên sâu cho đội ngũ giảng viên, kỹ sư tại Hải Phòng và vùng lân cận, đồng thời đào tạo 3.000-5.000 lao động kỹ năng cơ bản về vi mạch. Bên cạnh lĩnh vực bán dẫn, Thành phố cũng chú trọng đào tạo nhân lực số trong các ngành kinh tế số khác.

Kiến nghị giải pháp

Trong bối cảnh phát triển kinh tế số là định hướng chiến lược của quốc gia, Hải Phòng cần thu hút và phát triển ngành kinh tế số lõi và tiếp tục công cuộc chuyển đổi số, tạo sự lan tỏa của công nghệ số tới mọi lĩnh vực để tăng mức độ lan tỏa. Nhân lực số và công nghệ ảnh hưởng đến sự phát triển của quy mô kinh tế số. Theo đó, Hải Phòng cần nghiên cứu 4 giải pháp nhằm thu hút và phát triển nhân lực số cho Thành phố

một cách bền vững, đáp ứng được những yêu cầu về phát triển kinh tế, công nghệ đến năm 2030 và định hướng đến 2045.

Thứ nhất, phát triển nhân lực số đáp ứng nhu cầu sản xuất cho ngành CNCBCT. Theo đó, Hải Phòng cần có định hướng xây dựng đội ngũ nhân lực số có thể tham gia vào nhánh giá trị cao hơn của chuỗi giá trị sản phẩm mà các doanh nghiệp FDI trong nước và khu vực đang sản xuất. Song song với quá trình này, Thành phố cần ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước (DDI) nâng cao năng lực công nghệ, kỹ năng quản lý và tăng tỉ lệ tự động hoá để sản xuất các sản phẩm hỗ trợ cho doanh nghiệp FDI hay tạo ra các sản phẩm có thể thương mại trên thị trường. Đồng thời, các chính sách của thành phố tạo cánh cửa rộng mở cho doanh nghiệp FDI đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhưng cũng cần thể hiện sự cam kết trong việc hỗ trợ doanh nghiệp trong nước (DDI) đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật để tham gia vào chuỗi cung ứng của họ. Mặt khác, các doanh nghiệp DDI phải nỗ lực nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm để có thể tham gia vào chuỗi cung ứng mà các doanh nghiệp FDI đang hiện diện. Thành phố cần hỗ trợ doanh nghiệp DDI, xác định và tiếp cận các công nghệ hiện đại trong mảng lĩnh vực sản xuất để từ đó có được sự đầu tư hiệu quả. Để làm được việc này, Thành phố cần có các bản đồ công nghệ cho các lĩnh vực sản xuất cốt lõi trên địa bàn thành phố và kết nối với các công nghệ, sản phẩm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp FDI và thị trường trong và ngoài nước.

Thứ hai, phát triển nhân lực số cho ngành vận tải, kho bãi là yêu cầu cấp thiết để tăng năng suất lao động và nâng cao sự hài lòng của khách hàng. Hải Phòng cần phân tích các công nghệ số tối ưu trong hoạt động kho bãi và vận hành cảng, qua đó cải tiến giảm bớt thủ tục và đơn giản hoá quy trình, nhưng vẫn đảm bảo các quy định để việc quản lý được chặt chẽ và giao thương được nhanh chóng. Hải Phòng một mặt cần xây dựng các chương trình đào tạo về logistics thông minh, mặt khác có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh kho bãi chuyển đổi số mạnh mẽ để làm chủ các kho, bãi thông minh, giúp tiết giảm



Hải Phòng cần xây dựng các chương trình đào tạo về logistics thông minh, nhất là vận hành cảng biển. Ảnh: ST.

chi phí và nâng cao hiệu suất hoạt động. Đối với lĩnh vực vận tải, Hải Phòng cần có những ứng dụng đột phá trong vận tải không người lái cả trên không, trên bộ và đường thủy. Thành phố cần đặt hàng các cơ sở nghiên cứu và phát triển chương trình sản xuất thử nghiệm cho các công nghệ nêu trên để có sản phẩm cụ thể phục vụ sản xuất, kinh doanh đồng thời tạo cơ hội phát triển đội ngũ giảng dạy và người học hình thành đội ngũ lao động số cho Thành phố trong tương lai gần.

Thứ ba, phát triển nhân lực số cho hoạt động thương mại điện tử của Thành phố. Thành phố tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trong tất cả các dịch vụ của Thành phố. Các dịch vụ công phải đi đầu trong hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt. Các xe khách công cộng và tư nhân được yêu cầu lắp đặt hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt. Hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động thanh toán này sẽ được hỗ trợ bởi các chính sách của Thành phố đến năm 2030 và sau năm 2030 các đơn vị sẽ phải tự trang bị mà không có sự hỗ trợ. Thành phố cần xây dựng đội ngũ có năng lực làm chủ các

công nghệ này để hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực. Thêm nữa, ứng dụng các kỹ thuật phân tích, dự báo trên nền tảng số để đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử là một nhu cầu cấp thiết và cần được đào tạo bài bản. Thành phố có thể giao nhiệm vụ cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn để thực hiện các nhiệm vụ này.

Thứ tư, phát triển nhân lực số cho ngành giáo dục và đào tạo là một yêu cầu để phát triển bền vững cả về mặt kinh tế, và xã hội. Thành phố cần tạo ra các cơ chế để nhà giáo có thể phát huy được sở trường, kiến thức của mình nhằm lan toả kiến thức ra xã hội trên nền tảng số và có thêm thu nhập từ đó. Hoạt động giáo dục trực tuyến cần được khuyến khích và kiểm soát một cách bài bản để đảm bảo lợi ích cho cả người học và người dạy. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân có năng lực để hình thành thư viện trực tuyến với nội dung phong phú, đảm bảo tuân thủ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ để phục vụ người đọc ✍